

BÁO CÁO TUẦN 18

05/05/2025 – 09/05/2025

*Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX
đối với chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh*



MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX đối với chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index vận động tích lũy 1,200 – 1,240 điểm tuần thứ 3*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bất động sản +7.64%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	02/05/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5686.67	1.5%	2.9%	0.3%	12.3%
EU (EURO STOXX 50)	5285.19	2.4%	2.5%	-0.4%	8.1%
Trung Quốc (SHCOMP)	3279.031	0.0%	-0.5%	-2.1%	5.6%
Nhật Bản (NIKKEI)	36830.69	1.0%	3.2%	3.1%	-3.7%
Hàn Quốc (KOSPI)	2559.79	0.1%	0.5%	2.2%	-4.6%
Singapore (STI)	3845.14	0.3%	0.6%	-2.8%	16.6%
Thái Lan (SET)	1198.98	0.1%	3.4%	2.2%	-12.0%
Phillipines (PCOMP)	6411.86	0.9%	2.3%	2.6%	-3.5%
Malaysia (KLCI)	1542.49	0.1%	2.2%	1.0%	-2.4%
Indonesia (JCI)	6815.73	0.7%	2.0%	4.7%	-4.2%
Việt Nam (VNI)	1226.3	0.0%	-0.2%	-6.9%	0.8%
Việt Nam (HNX)	211.94	0.0%	0.1%	-11.0%	-6.8%
Việt Nam (UPCOM)	92.42	0.0%	0.2%	-6.3%	3.0%

Nguồn: Bloomberg

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	02/05/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	3,240.5	0.0%	-2.4%	3.4%	40.7%
Bạc	USD/ozt	32.0	-1.2%	-3.3%	-5.5%	20.0%
Thép HRC	USD/T.	874.0	0.8%	-7.4%	-4.5%	7.9%
Nhôm	USD/MT	2,419.6	0.6%	0.2%	-1.9%	-2.9%
Niken	USD/MT	15,322.0	1.5%	-0.6%	-2.9%	-17.1%
Quặng sắt	CNY/MT	761.5	0.0%	-0.3%	-5.8%	-14.2%
Dầu Brent	USD/bbl.	61.3	-1.4%	-8.3%	-18.2%	-26.7%
Dầu WTI	USD/bbl.	58.3	-1.6%	-7.5%	-18.7%	-26.2%
Xăng	USD/gal.	202.0	-1.4%	-4.7%	-13.3%	-22.2%
Than đá	USD/MT	98.0	0.5%	4.5%	-3.0%	-33.7%
Đậu tương	USD/bu.	1,048.8	0.8%	-0.1%	1.9%	-11.9%
Cao su	JPY/kg	294.1	1.0%	3.6%	-14.3%	-6.0%
Đường	USD/MT	489.7	-0.8%	-4.7%	-11.4%	-14.2%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

TTCK giữ đà hồi phục trong tuần công bố dữ liệu kinh tế và báo cáo KQKD quý I

73% công ty báo cáo KQKD vượt kỳ vọng tuy nhiên phố Wall đang hạ kỳ vọng quý II và cả năm khi các công ty đưa triển vọng bất định trước chính sách thuế quan mới. NĐT cũng chờ đợi thông tin quan trọng như GDP, báo cáo việc làm tháng 4 và dữ liệu PCE để có thêm cơ sở dự báo FED trong kỳ họp chính sách đầu tháng 5.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ đi ngang trong phiên đầu tuần, EU600 +0.6%, Nikkei 225 +0.3%; CSI 300 -0.3%.

- Chỉ số DXY tiếp tục giảm về mức 99.1 điểm và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y giảm nhẹ về mức 4.24%.

Tại Hội nghị mùa Xuân do IMF và WB tổ chức tuần trước, thống đốc ECB cho rằng tình hình kinh tế ở khu vực đồng euro và trên toàn cầu có dấu hiệu suy yếu. Bất ổn thuế quan mới đã kìm hãm hoạt động đầu tư, làm gia tăng thách thức cho triển vọng kinh tế khu vực. Mặc dù đưa tín hiệu hạ lãi suất, thống đốc ECB vẫn giữ quan điểm thận trọng và cho biết còn hơn 1 tháng để quyết định. Thị trường dự báo ECB nhiều khả năng cắt giảm lãi suất trong kỳ họp tháng 6 với mức giảm 0.25%.

PMI Anh, EU, Hoa Kỳ; Lãi suất và biên bản FOMC kỳ họp tháng 5/2025; Lãi suất và báo cáo tiền tệ BOE; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ; Tỷ lệ thất nghiệp Canada; CPI Trung Quốc và dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 4 Việt Nam là thông tin chú ý trong tuần tới.

TTCK VIỆT NAM

Các cổ phiếu lớn phân hóa mạnh trước kỳ nghỉ Lễ

VN-Index chỉ có 2 phiên giao dịch trong tuần với mức giảm 0.2% và thanh khoản giảm 40%. Tâm lý thận trọng trước kỳ nghỉ Lễ kéo theo thanh khoản trung bình giảm 40% so tuần trước. Mùa công bố KQKD cơ bản đi qua, tin tức về đàm phán thương mại sẽ đóng vai trò định hướng vận động của thị trường.

- Tương tự với các cổ phiếu lớn, cổ phiếu họ VIC cũng phân hóa rõ ràng khi VIC và VRE đóng góp 1.4 điểm trong khi VHM lấy của thị trường đi 3.8 điểm.

- Độ rộng tăng điểm trên Hose khá cân bằng với 177 cổ phiếu tăng, 165 cổ phiếu giảm và 50 cổ phiếu tham chiếu.

- Khối ngoại bán 9.3 triệu USD sau tuần mua ròng 19 triệu USD.

WB hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 xuống mức 5.8% do bất ổn của những thay đổi chính sách thương mại nhưng lạc quan hơn về triển vọng khi dự báo mức 6.1% và 6.4% lần lượt trong năm 2026 và 2027. Việt Nam định hướng thương mại, XNK chiếm 170% GDP nên bị ảnh hưởng bởi chính sách thương mại thay đổi kéo theo chi tiêu dùng thấp. WB khuyến nghị tập trung mở rộng đầu tư công, cải cách cơ cấu trong các lĩnh vực công nghệ, điện, giao thông để sánh hóa nền kinh tế, xây dựng nguồn lực, cải thiện môi trường kinh doanh cho động lực tăng trưởng dài hạn.

Mùa ĐHCĐ đã cơ bản đi qua, thông tin trọng yếu chưa công bố do vậy NĐT vẫn cần giữ tỷ trọng danh mục cân bằng để linh hoạt trước biến động khó lường trong ngắn hạn.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX đối với chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh

Hệ thống công nghệ thông tin mới KRX sẽ chính thức được đưa vào vận hành từ ngày 05/05/2025. Để giao dịch hiệu quả và không bị gián đoạn, Quý Nhà đầu tư vui lòng tìm hiểu kỹ những thay đổi trước khi hệ thống mới vận hành. BSC Research tổng hợp các thay đổi trọng yếu đối với thị trường chứng khoán cơ sở và phái sinh nhằm hỗ trợ nhà đầu tư kịp thời nắm bắt và điều chỉnh chiến lược giao dịch phù hợp.

1. Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX với chứng khoán cơ sở

Thay đổi	Hệ thống trước KRX	Hệ thống sau KRX	Ảnh hưởng tới nhà đầu tư																														
1. Lệnh ATO/ATC	<p>Lệnh ATO/ATC được ưu tiên trước lệnh LO trong khi so khớp lệnh.</p> 	<p>Lệnh ATO/ATC có mức ưu tiên thấp hơn lệnh LO giá mua trần/bán sàn được nhập vào hệ thống trước đó khi so khớp lệnh.</p> 	 <ul style="list-style-type: none"> Nhà đầu tư dễ dự đoán giá khớp dự kiến hơn, thay vì bị che bởi các lệnh giá cao (trần/sàn) như hiện tại. Các thay đổi về phiên khớp lệnh định kỳ sẽ khiến nhà đầu tư cần thay đổi chiến thuật đặt lệnh để mua được giá tốt nhất trong phiên ATO/ATC. 																														
	<p>Hiển thị các lệnh ATO/ATC.</p>	<p>Không hiển thị các lệnh dưới tên "ATO/ATC", mà thay vào đó, hệ thống sẽ hiển thị tại một mức giá xác định (tương tự như lệnh LO).</p> 																															
	<p>Bảng giá hiển thị 3 giá chào mua/bán tốt nhất của tất cả các lệnh trên sổ lệnh.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">MUA</th> <th colspan="2">BÁN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>100</td> <td>71.6</td> <td>62.4</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>100</td> <td>71.5</td> <td>62.5</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>100</td> <td>71.4</td> <td>62.6</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	MUA		BÁN		100	71.6	62.4	100	100	71.5	62.5	100	100	71.4	62.6	100	<p>Bảng giá hiển thị 3 mức giá mua/bán tốt nhất và khối lượng tương ứng còn lại sau khi trừ khối lượng dự kiến khớp của từng mã chứng khoán.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">MUA</th> <th colspan="2">BÁN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>200</td> <td>68.0</td> <td>68.1</td> <td>700</td> </tr> <tr> <td>400</td> <td>67.9</td> <td>68.2</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>300</td> <td>67.8</td> <td>68.3</td> <td>400</td> </tr> </tbody> </table>	MUA		BÁN		200	68.0	68.1	700	400	67.9	68.2	100	300	67.8	68.3
MUA		BÁN																															
100	71.6	62.4	100																														
100	71.5	62.5	100																														
100	71.4	62.6	100																														
MUA		BÁN																															
200	68.0	68.1	700																														
400	67.9	68.2	100																														
300	67.8	68.3	400																														

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX đối với chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh





Thay đổi	Hệ thống trước KRX	Hệ thống sau KRX	Ảnh hưởng tới nhà đầu tư
2. Tên gọi đối với các lệnh thị trường	Lệnh giới hạn: LO	Giữ nguyên	NĐT cần lưu ý để tránh nhầm lẫn
	HOSE: MP	Thay bằng MTL	
	HNX: MTL/MAK/MOK	Giữ nguyên	
3. Bổ sung phiên khớp lệnh định kỳ với giao dịch lô lẻ	Chỉ có phiên khớp lệnh liên tục từ 9h15 đến 14h30	Bổ sung thêm phiên ATO và ATC cho giao dịch lô lẻ, tương tự như với lô chẵn	Nhà đầu tư có thêm thời gian giao dịch lô lẻ.
4. Sửa/hủy lệnh	NĐT được sửa cùng lúc giá và khối lượng và coi như đặt lệnh mới (thứ tự ưu tiên theo thời gian sửa lệnh)	NĐT được chỉ sửa giá hoặc khối lượng: ► Sửa giá, sửa tăng khối lượng: làm thay đổi ưu tiên thời gian của lệnh. Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch. ► Sửa giảm khối lượng: không thay đổi ưu tiên thời gian của lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> NĐT có thể sửa giảm khối lượng mà không làm ảnh hưởng đến thứ tự ưu tiên của lệnh. Tuy nhiên, việc sửa lệnh sẽ phức do chỉ được sửa giá hoặc sửa khối lượng thay vì sửa cùng lúc cả 2 như trước.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX đối với chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh

Thay đổi	Hệ thống trước KRX	Hệ thống sau KRX	Ảnh hưởng tới nhà đầu tư
5. Giao dịch thỏa thuận	Giao dịch thỏa thuận chỉ được khởi tạo bởi bên bán, bên mua chỉ có thể xác nhận lệnh.	Bên bán hoặc bên mua đều có thể khởi giao dịch thỏa thuận, bên còn lại thực hiện xác nhận/từ chối giao dịch	Nhà đầu tư cần lưu ý cách thức giao dịch của cổ phiếu để đặt lệnh.
6. Chứng khoán hạn chế giao dịch (HOSE)	Chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch chỉ được giao dịch vào phiên chiều theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận	Chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch sẽ được giao dịch cả trong phiên sáng và chiều theo hình thức các phiên: <ul style="list-style-type: none"> - ATO - Khớp lệnh định kỳ PCA: mỗi phiên kéo dài 15 phút, NĐT không được phép sửa/hủy lệnh trong 5 phút cuối mỗi phiên PCA - ATC 	
7. Room nước ngoài	Room giảm ngay khi lệnh mua của NĐTNN được khớp.	Room giảm ngay khi lệnh mua của NĐTNN được nhập vào hệ thống, không đợi đến khi khớp.	

CHUYÊN MỤC TUẦN: Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX đối với chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh

2. Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX với chứng khoán phái sinh

Thay đổi	Hệ thống trước KRX	Hệ thống sau KRX	Ảnh hưởng tới nhà đầu tư																														
1. Lệnh ATO/ATC	<p>Lệnh ATO/ATC được ưu tiên trước lệnh LO trong khi so khớp lệnh.</p> 	<p>Lệnh ATO/ATC có mức ưu tiên thấp hơn lệnh LO giá mua trần/bán sàn được nhập vào hệ thống trước đó khi so khớp lệnh.</p> 	 <ul style="list-style-type: none"> Nhà đầu tư dễ dự đoán giá khớp dự kiến hơn, thay vì bị che bởi các lệnh giá cao (trần/sàn) như hiện tại. Các thay đổi về phiên khớp lệnh định kỳ sẽ khiến nhà đầu tư cần thay đổi chiến thuật đặt lệnh để mua được giá tốt nhất trong phiên ATO/ATC. 																														
	<p>Hiển thị các lệnh ATO/ATC.</p>	<p>Không hiển thị các lệnh dưới tên “ATO/ATC”, mà thay vào đó, hệ thống sẽ hiển thị tại một mức giá xác định (tương tự như lệnh LO).</p> 																															
	<p>Bảng giá hiển thị 3 giá chào mua/bán tốt nhất của tất cả các lệnh trên sổ lệnh.</p> <table border="1" data-bbox="319 987 808 1269"> <thead> <tr> <th colspan="2">MUA</th> <th colspan="2">BÁN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>100</td> <td>1222.3</td> <td>1406.3</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>100</td> <td>1222.2</td> <td>1406.4</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>100</td> <td>1222.1</td> <td>1406.5</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	MUA		BÁN		100	1222.3	1406.3	100	100	1222.2	1406.4	100	100	1222.1	1406.5	100	<p>Bảng giá hiển thị 3 mức giá mua/bán tốt nhất và khối lượng tương ứng còn lại sau khi trừ khối lượng dự kiến khớp của từng mã chứng khoán.</p> <table border="1" data-bbox="970 987 1459 1269"> <thead> <tr> <th colspan="2">MUA</th> <th colspan="2">BÁN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>200</td> <td>1318.5</td> <td>1318.6</td> <td>700</td> </tr> <tr> <td>400</td> <td>1318.4</td> <td>1318.7</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>300</td> <td>1318.3</td> <td>1318.8</td> <td>400</td> </tr> </tbody> </table>	MUA		BÁN		200	1318.5	1318.6	700	400	1318.4	1318.7	100	300	1318.3	1318.8
MUA		BÁN																															
100	1222.3	1406.3	100																														
100	1222.2	1406.4	100																														
100	1222.1	1406.5	100																														
MUA		BÁN																															
200	1318.5	1318.6	700																														
400	1318.4	1318.7	100																														
300	1318.3	1318.8	400																														

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX đối với chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh

Thay đổi	Hệ thống trước KRX	Hệ thống sau KRX	Ảnh hưởng nhà đầu tư																						
2. Thay đổi tên mã hợp đồng phái sinh	<p>Ví dụ: Mã VNF2403</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Ký tự</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TSCS</td> <td>VN30</td> </tr> <tr> <td>Loại CKPS</td> <td>HĐTL (F)</td> </tr> <tr> <td>Thời hạn đáo hạn</td> <td>03/2024 (2403)</td> </tr> </tbody> </table>		Ký tự	TSCS	VN30	Loại CKPS	HĐTL (F)	Thời hạn đáo hạn	03/2024 (2403)	<p>Ví dụ: Mã 4111E8000</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Ký tự</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Loại CK</td> <td>CKPS = 4</td> </tr> <tr> <td>Nhóm CKPS</td> <td>HĐTL = 1</td> </tr> <tr> <td>Tài sản cơ sở</td> <td>VN30 = I1</td> </tr> <tr> <td>Năm đáo hạn</td> <td>2024 = E</td> </tr> <tr> <td>Tháng đáo hạn</td> <td>Tháng 8 = 8</td> </tr> <tr> <td>Định danh của CKPS</td> <td>HĐTL = 000</td> </tr> </tbody> </table>		Ký tự	Loại CK	CKPS = 4	Nhóm CKPS	HĐTL = 1	Tài sản cơ sở	VN30 = I1	Năm đáo hạn	2024 = E	Tháng đáo hạn	Tháng 8 = 8	Định danh của CKPS	HĐTL = 000	<p>Tên gọi mã hợp đồng phức tạp hơn so trước đây. Nhà đầu tư cần lưu ý để tránh nhầm lẫn khi theo dõi và đặt lệnh.</p>
	Ký tự																								
TSCS	VN30																								
Loại CKPS	HĐTL (F)																								
Thời hạn đáo hạn	03/2024 (2403)																								
	Ký tự																								
Loại CK	CKPS = 4																								
Nhóm CKPS	HĐTL = 1																								
Tài sản cơ sở	VN30 = I1																								
Năm đáo hạn	2024 = E																								
Tháng đáo hạn	Tháng 8 = 8																								
Định danh của CKPS	HĐTL = 000																								

Nguồn: BSC Research

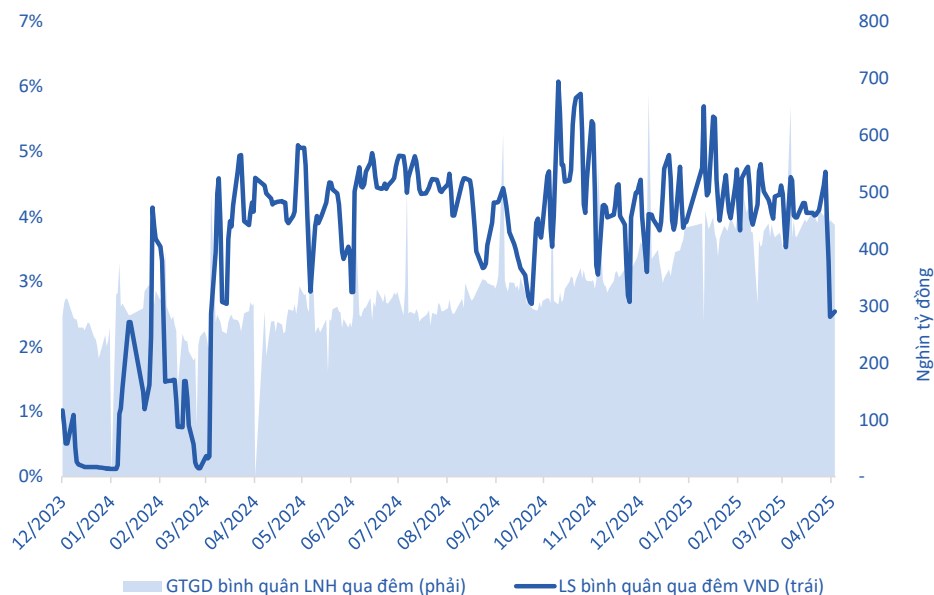
CHUYÊN MỤC TUẦN: Các thay đổi đáng chú ý về hệ thống KRX đối với chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh

Thay đổi	Hệ thống trước KRX	Hệ thống sau KRX	Ảnh hưởng nhà đầu tư
3. Thu phí bù trừ CKPS thay cho Phí quản lý vị thế qua đêm	VSD thu phí quản lý vị thế 2,550 đồng/hợp đồng/đêm	VSDC bỏ phí quản lý vị thế qua đêm, thay vào đó thu Phí dịch vụ bù trừ CKPS với mức phí cụ thể là 2,550 đồng/hợp đồng khớp.	<ul style="list-style-type: none"> - NĐT để vị thế qua nhiều đêm sẽ được lợi vì không phải đóng thêm phí. - Ngược lại, NĐT giao dịch nhiều trong ngày sẽ bị thiệt khi phải chịu thêm mức phí 2,550 đồng/hợp đồng khớp.
4. Thay đổi mốc thời gian kiểm soát giá trị ký quỹ	<ul style="list-style-type: none"> - VSD kiểm soát giá trị ký quỹ theo thời gian thực. - NĐT muốn giao dịch phải ký quỹ trước lên VSD. Tiền được hoàn trả ngay khi NĐT đóng vị thế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian kiểm soát giá trị ký quỹ của VSDC chuyển sang T+1. - Nhà đầu tư cần đảm bảo tiền ký quỹ cho ngày T vào sáng ngày T+1 để tránh việc tài khoản bị VSDC phong tỏa. - Tiền được hoàn trả vào ngày tiếp theo của ngày NĐT đóng vị thế 	<ul style="list-style-type: none"> - NĐT thực hiện giao dịch trong ngày và không giữ vị thế qua đêm sẽ được hưởng lợi, do chỉ cần đáp ứng yêu cầu ký quỹ tại CTCK mà không phải chuyển tiền ký quỹ lên VSDC trước. - Ngược lại, nếu giữ vị thế qua đêm, NĐT sẽ bị bất lợi vì dù đã đóng toàn bộ vị thế trong ngày hôm sau, vẫn phải bảo đảm số tiền ký quỹ theo yêu cầu của VSDC tại thời điểm cuối ngày trước đó. Điều này khiến tiền ký quỹ bị giữ lại lâu hơn 1 ngày

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 9	47,958.5	47,100.1	(858.4)	61,813.0
Tuần 10	35,935.6	60,381.3	24,445.7	86,258.8
Tuần 11	76,252.2	70,842.7	(5,409.5)	80,849.3
Tuần 12	52,296.4	53,094.9	798.5	81,647.7
Tuần 13	49,964.1	64,201.7	14,237.6	95,885.3
Tuần 14	50,133.8	74,054.0	23,920.3	119,805.5
Tuần 15	72,035.4	63,678.8	(8,356.6)	111,449.0
Tuần 16	62,185.0	42,460.4	(19,724.6)	91,724.4
Tuần 17	26,269.9	5,919.7	(20,350.2)	71,374.2

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	2.54%	4.16%	4.37%	4.77%
So với tuần trước	-1.24%	+0.07%	-0.13%	+0.01%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	443,030.0	68,430.0	1,314.0	1,332.0
So với tuần trước	-3.09%	+1470.94%	-72.69%	-76.59%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 28/04/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 17, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 5,919.7 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -20,350.2 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm giảm mạnh.

PTKT: VN-Index vận động tích lũy 1,200 – 1,240 điểm tuần thứ 3

Đồ thị ngày: Tâm lý nghỉ Lễ ảnh hưởng đến diễn biến thị trường trong 2 phiên giao dịch trong tuần, VN-Index có thêm 2 cây nến thân hẹp kiểu doji với thanh khoản thấp. Chỉ số có biên độ biến động hẹp và giữ trên SMA20. Dải bollinger band thu hẹp nhẹ trong khi các chỉ báo kỹ thuật giữ ở mức trung bình.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giữ ở mức 47 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu và dưới mức 0. Thanh khoản giảm 40% với mức bình quân phiên giao dịch tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20 và dưới SMA 50, 100, 200.

Kết luận: VN-Index có thêm lần nữa kiểm tra SMA200 tuần tại 1,235 điểm và chưa thể vượt ngưỡng cản này do yếu tố tâm lý kỳ Nghỉ Lễ và thanh khoản giảm mạnh. Quá trình tích lũy sau đáy ngắn hạn vẫn đang duy trì, và tích lũy chặt chẽ dần. Trường hợp tiêu cực VN-Index giảm dưới 1,197 để xác nhận mô hình 2 đỉnh mini có giá mục tiêu tại 1,160 điểm. Tuy nhiên nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tích lũy và tạo nền chặt chẽ từ 1,200 – 1,240 điểm trước khi có vận động tạo xu hướng.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
VIC	1.49	0.92
TCB	1.35	0.59
VRE	3.73	0.46
HVN	2.76	0.45
GEE	5.10	0.34
LGC	12.90	0.33
NVL	5.07	0.26
SSB	1.66	0.20
GMD	3.92	0.20
LPB	0.77	0.18
Tổng		3.93

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
VHM	-6.26	-3.83
FPT	-2.67	-1.06
BID	-1.29	-0.76
VJC	-5.49	-0.65
SAB	-2.83	-0.43
VCB	-0.35	-0.40
VNM	-1.20	-0.35
HPG	-0.78	-0.31
KDH	-3.13	-0.21
BCM	-1.43	-0.20
Tổng		-8.19

Khối ngoại mua ròng

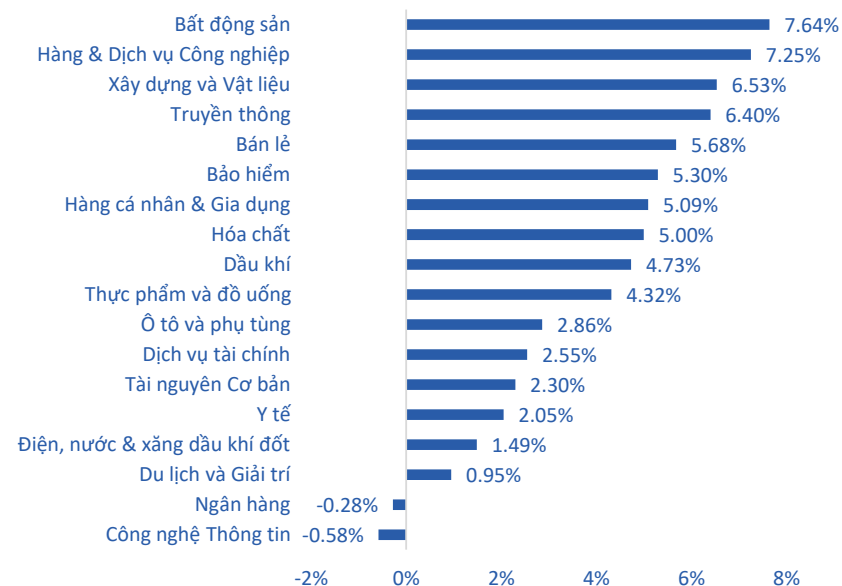
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
VRE	159.12
MWG	154.25
MBB	97.90
BVH	78.15
GMD	69.28
VCI	51.14
HPG	41.55
FRT	39.74
VSC	39.60
CTG	35.72
Tổng	766.45

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
VIC	-189.00
FPT	-166.44
VHM	-152.16
VPB	-97.86
BID	-62.24
GEX	-59.00
IDC	-45.43
KDH	-44.63
SAB	-41.32
VNM	-40.58
Tổng	-898.65

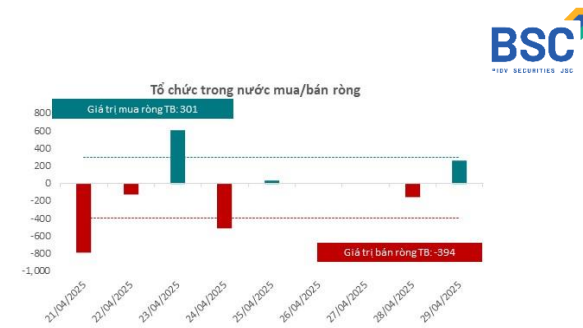
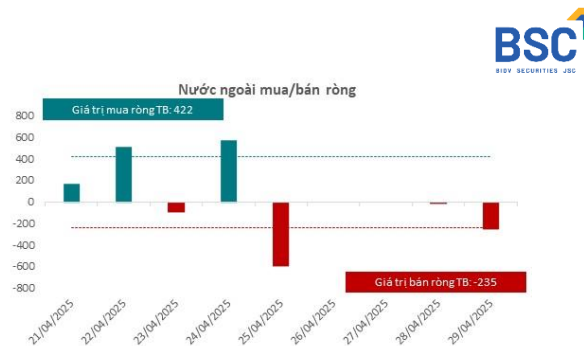
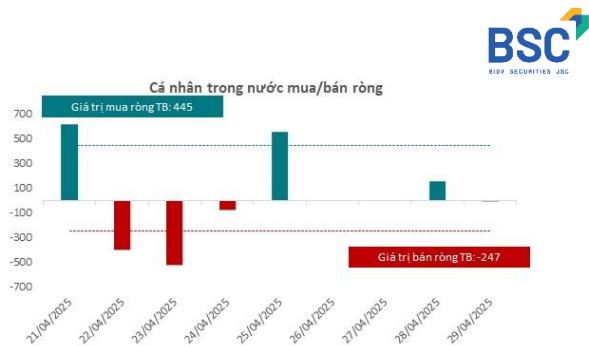
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Bất động sản	0.12%	7.64%	3.40%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.03%	7.25%	3.75%
Xây dựng và Vật liệu	0.73%	6.53%	-5.20%
Truyền thông	2.45%	6.40%	-11.23%
Bán lẻ	0.08%	5.68%	0.30%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
FUEVFN30	1,277,300	37.42	FPT	1,952,700	(219.22)	VRE	6,708,900	159.12	VIC	2,816,715	(189.00)	FPT	1,605,634	176.92	VRE	6,449,000	(151.69)
E1VFN30	309,400	7.05	MWG	3,597,000	(217.77)	MWG	2,535,324	154.25	FPT	1,512,143	(166.44)	VIC	2,367,215	158.63	HPG	4,367,490	(112.16)
CTG	167,100	6.15	HPG	7,282,200	(187.25)	MBB	4,131,718	97.90	VHM	2,507,612	(152.16)	VHM	2,406,612	147.13	OCB	9,857,095	(103.46)
FUESSVFL	211,200	4.56	VIC	2,787,100	(186.83)	BVH	1,779,800	78.15	VPB	5,919,371	(97.86)	EIB	5,562,877	104.71	VCI	2,325,600	(85.74)
DXG	248,000	3.69	MSN	2,172,100	(134.70)	GMD	1,345,000	69.28	BID	1,797,340	(62.24)	VPB	6,167,171	101.99	VNM	1,096,341	(63.26)
DGC	39,200	3.59	VNM	2,096,900	(122.11)	VCI	1,384,200	51.14	GEX	2,269,000	(59.00)	VCB	1,543,780	88.86	MBB	2,147,718	(50.92)
GEX	100,900	2.63	VHM	1,874,000	(117.80)	HPG	1,615,790	41.55	KDH	1,682,550	(44.63)	BID	2,447,840	84.64	CTG	1,366,207	(50.78)
STB	63,900	2.56	BVH	1,748,900	(76.73)	FRT	238,530	39.74	SAB	877,300	(41.32)	GEX	2,422,791	63.00	GMD	903,800	(46.91)
IJC	100,000	1.17	VJC	635,900	(57.94)	VSC	1,821,688	39.60	VNM	703,159	(40.58)	SSI	2,009,718	46.03	DGC	423,283	(38.74)
HHS	74,400	0.80	MBB	2,399,401	(56.80)	CTG	959,007	35.72	VJC	413,508	(36.22)	SAB	934,500	44.11	MWG	542,324	(33.44)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	60.8	-0.2%	1.6	90,067	583	2,983	20.4		46.9%	
KBC	Bất động sản	22.8	1.3%	1.45	17,271	131	498	45.2		15.5%	
KDH	Bất động sản	26.4	-1.3%	1.20	26,998	76	863	31.0		35.9%	
PDR	Bất động sản	15.4	-1.9%	1.66	14,244	138	181	86.9	23,600	7.7%	Link
VHM	Bất động sản	58.4	-0.2%	1.08	240,284	407	7349	8.0	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	109.4	-0.1%	1.02	161,082	690	5618	19.5	163,000	41.3%	Link
BSR	Dầu khí	16.1	-0.6%	0.00	50,073	26	204	79.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	25.6	-1.2%	1.23	12,379	63	2238	11.6	40,300	16.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.2	-0.4%	1.54	18,179	139	1394	18.1		39.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.0	-0.4%	1.35	45,221	241	1536	15.0		35.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	0.7%	1.35	26,390	205	1602	22.9		30.3%	
DCM	Hóa chất	32.3	-0.6%	1.37	17,206	52	2805	11.6	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	91.0	-0.6%	1.56	34,750	90	8224	11.1	111,400	15.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	0.4%	0.87	106,976	89	3708	6.5	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	34.6	0.0%	0.99	242,588	84	3643	9.5	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	37.2	1.0%	1.01	197,884	183	4720	7.8	50,000	26.7%	Link
HDB	Ngân hàng	21.5	-0.2%	0.98	75,144	277	3985	5.4		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.6	-0.6%	1.00	144,624	315	4049	5.9	26,300	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	11.2	-0.4%	1.13	29,250	51	2123	5.3	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	39.1	-0.4%	0.94	73,995	467	5767	6.8		21.2%	
TCB	Ngân hàng	26.3	1.2%	1.16	183,686	705	3013	8.6	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.6	0.7%	1.14	35,666	95	2298	5.9	-	23.2%	Link
VCB	Ngân hàng	57.3	-0.4%	0.62	480,451	142	4049	14.2		22.5%	
VIB	Ngân hàng	17.4	0.0%	0.96	51,688	37	2424	7.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.6	0.0%	0.95	131,306	458	2030	8.2	25,500	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.5	-0.6%	1.18	164,064	715	1879	13.7	37,500	22.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.8	1.1%	1.41	8,476	62	749	18.2	22,700	5.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.5	0.9%	1.64	9,103	138	3930	6.9	31,000	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.5	0.0%	1.29	89,897	485	1518	41.2		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.6	0.2%	0.56	120,172	286	4494	12.8		48.9%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	32.7	-0.6%	1.8	7,200	14.9	2,042	16.1	18.81%	15.71%	Link
FRT	Bán lẻ	167.8	1.2%	1.3	22,603	125.4	2,331	71.2	32.23%		
BVH	Bảo hiểm	46.0	-0.1%	1.2	34,147	13.7	2,843	16.2	26.93%		
DIG	Bất động sản	14.7	0.0%	1.5	8,965	75.1	188	78.3	2.85%		
DXG	Bất động sản	15.2	3.8%	1.5	12,714	248.1	347	42.1	20.79%		Link
HDC	Bất động sản	21.7	0.0%	1.3	3,861	47.3	436	49.7	3.25%	3.43%	
HDG	Bất động sản	23.4	0.9%	1.4	7,803	38.3	1,036	22.4	19.57%		
IDC	Bất động sản	36.2	-0.6%	1.4	12,012	115.3	6,049	6.0	17.26%	31.16%	
NLG	Bất động sản	27.6	0.0%	1.4	10,609	54.1	1,827	15.1	37.63%	7.43%	Link
SIP	Bất động sản	63.5	1.6%	0.0	13,158	19.4	6,076	10.3	4.67%	29.72%	
SZC	Bất động sản	29.7	0.3%	1.3	5,328	30.5	2,036	14.5	2.67%	11.78%	Link
TCH	Bất động sản	17.2	0.9%	1.5	11,393	97.8	1,466	11.6	9.60%		Link
VIC	Bất động sản	68.0	0.0%	1.2	260,009	1070.0	3,069	22.2	7.80%		
VRE	Bất động sản	23.7	2.4%	1.0	52,491	550.8	1,802	12.8	19.37%	10.11%	
CMG	Công nghệ Thông tin	31.5	-0.5%	1.1	6,677	12.8	1,478	21.4	36.59%		
PLX	Dầu khí	33.9	0.3%	0.9	42,946	17.1	2,274	14.9	17.41%		Link
PVD	Dầu khí	17.5	-1.4%	1.1	9,867	50.0	1,255	14.1	8.14%	4.43%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.4	-1.1%	1.7	11,564	73.1	1,816	20.8	28.62%	13.65%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.8	-0.7%	1.7	15,465	57.8	1,650	16.4	6.93%	12.93%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.3	-0.2%	0.9	136,812	22.5	4,439	13.2	1.71%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.9	0.9%	1.0	27,517	89.0	475	24.8	3.67%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.5	-0.7%	1.0	32,500	23.2	4,237	16.3	49.00%	11.42%	
VJC	Du lịch và Giải trí	86.0	-3.5%	0.5	48,258	115.4	2,632	33.9	12.56%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.5	1.7%	1.5	22,388	162.0	2,052	12.7	10.18%	12.76%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.0	3.9%	1.0	21,430	247.1	3,797	13.4	39.73%	11.91%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	64.2	5.9%	1.3	7,872	186.7	4,394	13.8	13.24%	25.78%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.9	-0.5%	1.2	7,458	43.7	3,071	6.8	11.17%	14.22%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	110.0	-1.9%	0.0	13,652	72.7	3,146	35.6	6.76%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	71.1	0.4%	1.0	23,924	44.4	6,105	11.6	46.79%	18.57%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.8	-0.2%	0.78	2,933	32.1	2869	10.0	49.78%	13.18%	

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.6	0.0%	1.3	2,035	14.5	2,580	6.4	17.03%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	32.7	-0.6%	1.2	12,875	47.7	1,374	23.9	8.57%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	23.7	0.9%	1.6	94,000	79.9	997	23.6	0.56%		
EIB	Ngân hàng	19.0	-2.1%	1.1	36,044	212.6	1,786	10.8	4.00%		Link
LPB	Ngân hàng	32.6	-0.8%	0.5	97,983	46.8	3,333	9.8	0.78%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.6	-0.3%	0.0	22,784	21.9	2,702	6.1	1.77%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.4	0.0%	1.1	25,644	18.2	1,287	8.1	19.09%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.9	-0.8%	1.5	5,371	38.5	1,122	10.7	5.31%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.1	0.0%	1.6	4,007	11.5	612	24.6	0.58%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.3	0.3%	0.8	10,382	97.3	1,511	22.6	3.14%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.1	-6.1%	1.2	65,667	225.7	3,376	15.2	59.46%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.7	3.5%	1.4	10,774	45.3	5,463	8.8	23.59%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	144.6	2.3%	1.2	11,575	41.7	13,288	10.6	85.31%	38.6%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.9	-2.1%	1.6	8,254	84.9	3,718	22.2	48.96%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.8	0.6%	1.3	9,643	33.7	4,705	17.9	7.82%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.3	1.0%	1.4	3,200	50.0	3,553	14.3	8.07%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.8	0.0%	1.5	5,101	38.5	987	12.0	7.95%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.9	0.0%	1.3	7,457	12.6	1,307	16.0	16.60%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.3	-0.2%	1.4	12,780	88.8	1,548	13.8	7.04%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.3	0.0%	1.5	17,620	9.8	2,720	14.5	5.39%	14.6%	

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: **RESP BSC ResearchV <GO>**

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký